

Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ115,400

Tiềm năng tăng/giảm: -0.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/10/2025)	115,500
Mã Bloomberg	VTP VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	87,608-168,096
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	116,060
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	14,066
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	535
Slg CP lưu hành (tr.đv)	122
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	59.7
Slg CP NN được mua (tr.đv)	51.8
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	6.49%
Tỷ lệ freefloat	0%
Cổ đông lớn	TĐ Viettel (60.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	20,735	21,833	24,005
EBITDA đc (tỷ đồng)	450	547	822
LNTT (tỷ đồng)	483	515	650
LNT ĐC (tỷ đồng)	248	265	335
FCF (tỷ đồng)	(505)	321	(735)
EPS ĐC (đồng)	2,039	2,178	2,749
DPS (đồng)	1,081	1,500	1,500
BVPS (đồng)	13,043	13,721	14,970
T.trưởng EBITDA (%)	30.9	21.4	50.3
T.trưởng EPS ĐC (%)	0.05	6.50	26.3
Tăng trưởng DPS (%)	(27.9)	38.8	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	2.17	2.50	3.42
Tỷ suất LNTT (%)	2.33	2.36	2.71
Tỷ suất LNT ĐC (%)	1.85	1.87	2.15
Tỷ lệ LN trả CT (%)	34.4	44.8	35.5
Nợ thuần/VCSH (%)	66.9	57.9	108
ROAE (%)	24.1	25.0	29.5
ROACE (%)	27.2	27.8	31.8
EV/doanh thu (lần)	0.73	0.69	0.67
EV/EBITDA ĐC (lần)	33.6	27.5	19.5
P/E ĐC (lần)	56.7	53.0	42.0
P/B (lần)	8.86	8.42	7.72
Lợi suất cổ tức (%)	0.94	1.30	1.30

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VTP là doanh nghiệp chuyển phát đứng thứ hai về doanh thu tại Việt Nam và đang chuyển mình thành doanh nghiệp logistics. VTP là thành viên của Tập đoàn Viettel - tập đoàn viễn thông lớn nhất tại Việt Nam.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.tttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q3/2025: LNST giảm 20% so với cùng kỳ, thấp hơn kỳ vọng 22%

- KQKD Q3/2025 thấp hơn kỳ vọng của HSC, với doanh thu HĐKD cốt lõi đạt 3,2 nghìn tỷ đồng (tăng 24% so với cùng kỳ và thấp hơn 10% so với dự báo), trong khi lợi nhuận thuần đạt 85 tỷ đồng (giảm 20% so với cùng kỳ, thấp hơn 22% so với dự báo). Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận thuần đạt 254 tỷ đồng (tăng 1% so với cùng kỳ), chỉ hoàn thành 62% dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi – thấp hơn kỳ vọng.
- Trong quý, hoạt động chuyển phát của VTP đã bị ảnh hưởng tiêu cực từ việc (1) Chính phủ đẩy mạnh hoạt động kiểm soát hàng giả và các hoạt động quảng bá sản phẩm của KOL (trong tháng 7-8/2025) và (2) bão Bualoi (trong tháng 9). Chúng tôi kỳ vọng các tác động này sẽ giảm bớt trong Q4/2025.
- VTP đang giao dịch với EV/EBITDA điều chỉnh trượt dự phóng 1 năm là 17,5 lần, cao hơn so với bình quân từ năm 2021 ở mức 17 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2025

Trong Q3/2025, cả doanh thu thuần và lợi nhuận thuần của VTP đều giảm so với cùng kỳ, xuống mức thấp hơn kỳ vọng của HSC. Đáng chú ý, chúng tôi ít lo ngại về mức sụt giảm của doanh thu thuần so với sự sụt giảm về lợi nhuận – do VTP chủ động giảm quy mô kinh doanh của mảng thương mại. Trên thực tế, doanh thu từ HĐKD cốt lõi vẫn tăng mạnh nhưng vẫn thấp hơn một chút so với kỳ vọng.

Doanh thu thuần: Giảm 9% so với cùng kỳ, do thu hẹp quy mô mảng thương mại

Doanh thu thuần Q3/2025 giảm 9% so với cùng kỳ (và giảm 1% so với quý trước) xuống 4,9 nghìn tỷ đồng, khi doanh thu mảng thương mại giảm 37% so với cùng kỳ (giảm 2% so với quý trước) xuống 1,3 nghìn tỷ đồng (đóng góp 26% vào tổng doanh thu thuần) do VTP tiếp tục chủ động thu hẹp quy mô kinh doanh của mảng này. Trong khi đó, doanh thu dịch vụ vẫn tăng 8% so với cùng kỳ (nhưng giảm 1% so với quý trước) đạt 3,6 nghìn tỷ đồng, đa phần được hỗ trợ bởi doanh thu HĐKD cốt lõi (3,2 nghìn tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ và đi ngang so với quý trước).

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 2/11.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2025, VTP

Lợi nhuận thuần Q3/2025 giảm 20% so với cùng kỳ và 14% so với quý trước xuống mức 85 tỷ đồng, thấp hơn dự báo của HSC 22%

Tỷ đồng	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	9T24	9T25	So với cùng kỳ	% dự báo - HSC
Doanh thu thuần	5,430	4,928	-9.2%	-1.1%	15,049	14,952	-0.6%	69.5%
Doanh thu cốt lõi	2,574	3,192	24.0%	-0.1%	7,111	9,231	29.8%	69.6%
Lợi nhuận gộp	278	231	-17.1%	-15.0%	669	767	14.5%	
Lợi nhuận HĐ tài chính	4	7	49.4%	54.3%	29	11	-62.3%	
Chi phí BH&QL	-149	-131	-12.2%	-12.4%	-381	-455	19.3%	
LNTT	134	109	-18.6%	-13.3%	317	324	2.1%	
Lợi nhuận thuần	107	85	-20.2%	-14.5%	252	254	0.8%	62.2%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	167	154	-7.8%	-8.2%	385	451	17.2%	63.3%
Chi phí BH&QL /Doanh thu	5.1%	4.7%			4.4%	5.1%		
Tỷ suất lợi nhuận thuần	-2.7%	-2.6%			-2.5%	-3.0%		
Tỷ suất EBITDA	2.0%	1.7%			1.7%	1.7%		
Tỷ suất lợi nhuận gộp	3.1%	3.1%			2.6%	3.0%		

Nguồn: VTP, HSC

Doanh thu HĐKD cốt lõi trong quý thấp hơn 10% so với kỳ vọng của chúng tôi. Hoạt động chuyển phát của VTP đã bị ảnh hưởng tiêu cực từ việc (1) Chính phủ đẩy mạnh hoạt động kiểm soát hàng giả và các hoạt động quảng bá sản phẩm của KOL (trong tháng 7-8/2025) và (2) bão Bualoi (từ ngày 28 đến ngày 30/9/2025).

Trao đổi với chúng tôi, BLĐ công ty cho biết trong tháng 10, bất chấp ảnh hưởng của bão Matmo (ảnh hưởng đến miền Bắc với mưa lớn từ ngày 6 đến 8/10/2025) cùng với tình hình lũ lụt nghiêm trọng đang diễn ra ở miền Trung, doanh thu HĐKD cốt lõi vẫn tăng mạnh 30% so với cùng kỳ. Do đó, VTP vẫn giữ mục tiêu tăng trưởng doanh thu HĐKD cốt lõi ở mức 33% so với cùng kỳ trong năm nay.

Trong 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần giảm 1% so với cùng kỳ xuống 14,9 nghìn tỷ đồng, trong khi doanh thu HĐKD cốt lõi vẫn tăng 30% so với cùng kỳ lên 9,2 nghìn tỷ đồng. Cả hai chỉ số đều hoàn thành 70% dự báo năm 2025 của HSC.

Tỷ suất lợi nhuận gộp: Thu hẹp do TSLN gộp mảng dịch vụ giảm

Tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng này trong Q3/2025 thu hẹp xuống 4,7% (từ 5,1% trong Q3/2024 và 5,4% trong Q2/2025), chủ yếu do tỷ suất lợi nhuận mảng dịch vụ giảm xuống còn 6,1% trong Q3/2025 (từ 8,1% trong Q3/2024 và 7,1% trong Q2/2025). Chúng tôi cho rằng đây là kết quả của sự cạnh tranh gay gắt và những khó khăn chung của ngành trong giai đoạn này. Trong khi đó, tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng thương mại cải thiện lên 0,7% trong Q3/2025 (từ 0,3% trong Q3/2024 và không đổi so với quý trước).

Do đó, lợi nhuận gộp Q3/2024 giảm 17% so với cùng kỳ và 15% so với quý trước đạt 231 tỷ đồng.

Sợ hỗ trợ từ chi phí bán hàng & quản lý và lợi nhuận HĐ tài chính

Trong Q3/2025, chi phí bán hàng & quản lý giảm 12% so với cùng kỳ xuống 131 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận HĐ tài chính tăng mạnh 49% so với cùng kỳ lên 7 tỷ đồng. Do đó, lợi nhuận thuần Q3/2025 đạt 85 tỷ đồng, giảm 20% so với cùng kỳ (và giảm 15% so với quý trước). Lợi nhuận thuần 9 tháng đầu năm 2025 chỉ tăng 1% so với cùng kỳ lên 254 tỷ đồng, chỉ hoàn thành 62% dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 19% trong 1 tháng qua, VTP đang giao dịch với EV/EBITDA điều chỉnh trượt dự phóng 1 năm là 17,5 lần, cao hơn so với bình quân từ năm 2021 ở mức 17 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu, VTP

Lợi nhuận thuần Q3/2025 giảm 9% so với cùng kỳ, do doanh thu thương mại giảm 37%, bù đắp 1 phần nhờ doanh thu dịch vụ tăng 8% svck

Tỷ đồng	Q3/24	Q2/25	Q3/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	9T24	9T25	So với cùng kỳ
Tổng doanh thu	5,430	4,982	4,928	-9.2%	-1.1%	15,049	14,952	-0.6%
Dịch vụ	3,373	3,668	3,640	7.9%	-0.8%	9,059	10,683	17.9%
Thương mại	2,057	1,314	1,288	-37.4%	-2.0%	5,990	4,269	-28.7%
Tỷ trọng								
Dịch vụ	62.1%	73.6%	73.9%			60.2%	71.4%	
Thương mại	37.9%	26.4%	26.1%			39.8%	28.6%	

Nguồn: VTP, HSC

Bảng 3: Tỷ suất lợi nhuận gộp theo mảng kinh doanh, VTP

Tỷ suất lợi nhuận gộp thu hẹp trong Q3 cả so với cùng kỳ và so với quý trước do tỷ suất lợi nhuận gộp của mảng dịch vụ giảm

	Q3/24	Q2/25	Q3/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	9T24	9T25	So với cùng kỳ
VTP hợp nhất	5.1%	5.4%	4.7%	-0.4	-0.8	4.5%	5.1%	0.6
Tỷ suất lợi nhuận gộp	8.1%	7.1%	6.1%	-2.0	-1.1	4.3%	4.9%	0.6
Dịch vụ	0.3%	0.7%	0.7%	0.5	0.0	0.1%	0.3%	0.2

Nguồn: VTP, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	19,588	20,735	21,833	24,005	27,708
Lợi nhuận gộp	882	1,005	1,128	1,388	1,718
Chi phí BH&QL	(465)	(554)	(615)	(670)	(759)
Thu nhập khác	3.63	1.43	1.47	1.58	1.76
Chi phí khác	(7.49)	(0.85)	(0.88)	(0.94)	(1.05)
EBIT	413	452	514	719	960
Lãi vay thuần	70.3	31.2	0.51	(68.8)	(104)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	483	483	515	650	856
Chi phí thuế TNDN	(101)	(100)	(107)	(135)	(177)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	383	383	408	515	678
Lợi nhuận thuần ĐC	231	248	265	335	441
EBITDA ĐC	344	450	547	822	1,142
EPS (đồng)	3,144	3,146	3,350	4,230	5,569
EPS ĐC (đồng)	1,900	2,039	2,178	2,749	3,620
DPS (đồng)	1,500	1,081	1,500	1,500	2,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	122	122	122	122	122
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	122	122	122	122	122
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	122	122	122	122	122

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	895	390	881	724	839
Đầu tư ngắn hạn	1,698	1,430	1,092	1,200	1,385
Phải thu khách hàng	2,249	2,157	2,183	2,280	2,494
Hàng tồn kho	398	279	327	336	360
Các tài sản ngắn hạn khác	260	472	218	240	277
Tổng tài sản ngắn hạn	5,500	4,728	4,701	4,781	5,355
TSCĐ hữu hình	338	691	1,519	2,697	3,245
TSCĐ vô hình	35.9	53.7	48.3	42.7	36.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	83.9	75.0	79.0	86.9	100
Đầu tư vào Cty LD,LK	74.0	30.0	30.0	30.0	30.0
Tài sản dài hạn khác	408	785	827	909	1,049
Tổng tài sản dài hạn	939	1,635	2,503	3,766	4,461
Tổng cộng tài sản	6,439	6,364	7,204	8,547	9,816
Nợ ngắn hạn	1,671	1,376	1,528	2,040	2,355
Phải trả người bán	485	661	696	765	883
Nợ ngắn hạn khác	2,521	2,513	2,838	3,107	3,566
Tổng nợ ngắn hạn	4,802	4,676	5,189	6,040	6,932
Nợ dài hạn	40.8	72.5	316	653	828
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	-	-	-	-
Nợ dài hạn khác	12.6	26.5	27.9	30.6	35.3
Tổng nợ dài hạn	53.4	99.0	344	683	864
Tổng nợ phải trả	4,855	4,775	5,533	6,723	7,796
Vốn chủ sở hữu	1,584	1,588	1,671	1,823	2,020
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,584	1,588	1,671	1,823	2,020
Tổng nợ phải trả và VCSH	6,439	6,364	7,204	8,547	9,816
BVPS (đ)	13,009	13,043	13,721	14,970	16,590
Nợ thuần/(tiền mặt)	817	1,058	964	1,969	2,345

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	413	452	514	719	960
Khấu hao	(82.4)	(133)	(175)	(283)	(419)
Lãi vay thuần	70.3	31.2	0.51	(68.8)	(104)
Thuế TNDN đã nộp	(35.0)	(127)	(107)	(135)	(177)
Thay đổi vốn lưu động	(177)	(407)	(39.2)	(36.5)	(119)
Khác	(42.7)	(129)	917	139	238
LCT thuần từ HKKD	178	(131)	1,319	721	978
Đầu tư TS dài hạn	(375)	(374)	(997)	(1,456)	(961)
Góp vốn & đầu tư	(601)	(1,124)	0	0	0
Thanh lý	827	1,435	0	0	0
Khác	120	130	(45.6)	(90.1)	(154)
LCT thuần từ HĐĐT	(28.5)	68.2	(1,043)	(1,546)	(1,115)
Cổ tức trả cho CSH	(128)	(180)	(183)	(183)	(244)
Thu từ phát hành CP	(1.30)	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	415	(263)	396	849	490
Khác	0	0	1.40	2.77	4.72
LCT thuần từ HĐTC	285	(443)	215	669	251
Tiền & tương đương tiền đầu kì	-	-	-	-	-
LCT thuần trong kỳ	435	(506)	491	(157)	115
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.76	0.92	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	436	(505)	491	(157)	115
Dòng tiền tự do	(197)	(505)	321	(735)	17.0

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	4.50	4.85	5.17	5.78	6.20
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	1.76	2.17	2.50	3.42	4.12
Tỷ suất LNT (%)	1.95	1.85	1.87	2.15	2.45
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.8	20.7	20.7	20.7	20.7
Tăng trưởng doanh thu (%)	(9.44)	5.86	5.30	9.95	15.4
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	3.93	30.9	21.4	50.3	38.9
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	4.48	7.27	6.82	26.3	31.7
Tăng trưởng EPS (%)	49.7	0.05	6.50	26.3	31.7
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	4.48	7.27	6.82	26.3	31.7
Tăng trưởng DPS (%)	30.4	(27.9)	38.8	0	33.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	47.7	34.4	44.8	35.5	35.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	25.8	24.1	25.0	29.5	35.3
ROACE (%)	27.2	27.2	27.8	31.8	35.6
Vòng quay tài sản (lần)	3.22	3.24	3.22	3.05	3.02
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.43	(0.29)	2.56	1.00	1.02
Số ngày tồn kho	7.76	5.17	5.77	5.42	5.06
Số ngày phải thu	43.9	39.9	38.5	36.8	35.0
Số ngày phải trả	9.46	12.2	12.3	12.3	12.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	51.8	66.9	57.9	108	116
Nợ/tài sản (%)	26.6	22.8	25.7	31.6	32.5
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	10.4	9.20
Nợ/EBITDA (lần)	3.46	2.48	2.68	2.69	2.31
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.15	1.01	0.91	0.79	0.77
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.76	0.73	0.69	0.67	0.59
EV/EBITDA ĐC (lần)	43.3	33.6	27.5	19.5	14.4
P/E (lần)	36.7	36.7	34.5	27.3	20.7
P/E ĐC (lần)	60.8	56.7	53.0	42.0	31.9
P/B (lần)	8.88	8.86	8.42	7.72	6.96
Lợi suất cổ tức (%)	1.30	0.94	1.30	1.30	1.73

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn